

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **TT/UBND**
(dự thảo)

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

TỜ TRÌNH

Đề nghị thông qua Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước.

Thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

UBND tỉnh trình Hội đồng nhân dân (HĐND) tỉnh Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT

1. Căn cứ xây dựng Nghị quyết

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

- Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

- Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

- Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 27/2022/NĐ-CP ngày 19 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

- Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu Quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025;

- Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

- Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

- Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025

- Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

2. Sự cần thiết ban hành Nghị quyết

Thực hiện Thông tư 53/2022/TT-BTC ngày 12/8/2022 của Bộ Tài chính về quy định quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp từ nguồn vốn ngân sách trung ương thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025, Hội đồng nhân dân tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

Ngày 15/8/2023 Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 55/2023/TT-BTC về quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia đoạn 2021-2025 (Thông tư này thay thế Thông tư số 53/2022/TT-BTC).

Một số quy định nội dung, mức chi trước đây phân cấp cho hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể nay theo thông tư 55/2023/TT-BTC đã không còn. Mặt khác có một số quy định nội dung, mức chi có sự thay đổi so với thông tư cũ (đã được cụ thể hóa trong Nghị quyết 06/2023/NQHĐND. Ngoài ra, Thông tư 55/2023/TT-BTC cũng có bổ sung một số quy định về nội dung, mức chi và phân cấp cho Hội đồng nhân dân tỉnh quy định cụ thể.

Mặt khác, tại khoản 2, điều 127 có quy quy định

“2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại

khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước”

Do vậy, việc ban hành Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước thay thế Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh về quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn tỉnh Bình Phước (sau đây gọi tắt là Nghị quyết) là cần thiết và đúng thẩm quyền.

II. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

1. Mục đích

Đảm bảo thực hiện đúng quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về Chương trình MTQG XDNTM.

2. Quan điểm xây dựng Nghị quyết

Việc xây dựng Nghị quyết phải đảm bảo về trình tự, thủ tục theo các nội dung quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

Đảm bảo đúng quy định của Quyết định số 263/QĐ-TTg ngày 22 tháng 02 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG XDNTM giai đoạn 2021-2025; Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025. Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31/5/2024 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

III. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

Thực hiện Công văn số 420/HĐND ngày 20/11/2024 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc phúc đáp Tờ trình số 160/TTr-UBND và Công văn số 4798/UBND-TH ngày 19/11/2024 của UBND tỉnh, UBND tỉnh đã giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành xây dựng Dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước (Công văn số 4917/UBND-KT ngày 26/11/2024).

Trên cơ sở chỉ đạo của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tổ chức xây dựng dự thảo Nghị quyết và lấy ý kiến các đơn vị, địa phương có liên quan (tại Công văn số /SNN-KTHT ngày /12/2024). Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo

tiếp thu, giải trình ý kiến đóng góp của các đơn vị, địa phương (Báo cáo số /BC-SNN-KTHT ngày / /2024).

Ngày /12/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT cũng đã có Công văn số /SNN-KTHT về việc cho ý kiến phản biện xã hội đối với nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Và công văn số/SNN-KTHT về việc hỗ trợ đăng tải Dự thảo Nghị quyết sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước gửi Sở Thông tin & Truyền thông. Sở Thông tin & truyền thông đã đăng tải từ ngày 12/2024 để lấy ý kiến nhân dân (đối tượng chịu sự tác động trực tiếp của Nghị quyết). Đến ngày /12/2024, Sở Nông nghiệp và PTNT nhận được Công văn số /MTTQ-BTT về việc tổng hợp ý kiến phản biện xã hội đối với dự thảo Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. Sở Nông nghiệp và PTNT đã có báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến phản biện và lấy ý kiến nhân dân (Báo cáo số /BC-SNN-KTHT ngày / /2024).

Sau đó, Sở Tư pháp đã có Báo cáo số /BC-STP ngày / /2024 về việc thẩm định đối với hồ sơ Dự thảo Nghị quyết.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Sở Tư pháp, Sở Nông nghiệp và PTNT đã tiếp thu, chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo Nghị quyết tại Tờ trình số /TTr-SNN-KTHT ngày 2025 và đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết.

Ủy ban nhân dân tỉnh đã tổ chức lấy ý kiến thành viên UBND tại Công văn số /UBND-KT ngày / /2025 và tiếp thu, điều chỉnh, tổng hợp.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét thông qua Nghị quyết quy định một số nội dung, mức hỗ trợ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình Mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1.1 Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản liên quan của các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

1.2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

2. Quy định nội dung và mức hỗ trợ như sau

2.1. Chi hỗ trợ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước

a) Nội dung và mức hỗ trợ

- Hỗ trợ 50% chi phí vật liệu, máy thi công và thiết bị để đầu tư xây dựng, lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn, mức hỗ trợ 40 triệu đồng/ha.

- Hỗ trợ 50% chi phí để san phẳng đồng ruộng, mức hỗ trợ 10 triệu đồng/ha.

b) Điều kiện hỗ trợ

Tổ chức, cá nhân phải đáp ứng các điều kiện sau đây:

- Đối với cá nhân: Quy mô khu tưới phải đạt từ 0,3 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 0,1 ha trở lên; việc hỗ trợ cho cá nhân được thông qua hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi;

- Đối với hợp tác xã, tổ hợp tác có hoạt động dịch vụ thủy lợi: Quy mô khu tưới phải đạt từ 02 ha trở lên, riêng khu vực miền núi từ 01 ha trở lên và phải có hợp đồng liên kết với hộ gia đình hoặc cá nhân trực tiếp sản xuất;

- Hệ thống tưới tiên tiến, tiết kiệm nước phục vụ các loại cây trồng chủ lực của tỉnh, địa phương.

Lý do, cơ sở quy định:

Thứ nhất: khoản 2, điều 127, thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:

"2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.

Thứ 2:

- Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ về quy định hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước; cụ thể: "Điều 11. Trách nhiệm của địa phương

"1. Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

a) Ban hành quy định cụ thể mức hỗ trợ của từng chính sách theo khả năng cân đối của ngân sách và bố trí kinh phí hàng năm để thực hiện các chính sách theo quy định của Nghị định này;

b) Ban hành chính sách hỗ trợ đặc thù khác ngoài các chính sách đã quy định tại Nghị định này để hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước"

- Thông tư số 05/2022/TT-BTC ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn: tại “Điều 4. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi và phòng chống thiên tai cấp xã, huyện đảm bảo bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu

1. Hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi cấp xã, huyện:

a) Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách, hướng dẫn hoàn thiện và nâng cao chất lượng hệ thống thủy lợi; hỗ trợ các nội dung chính sách phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước theo quy định tại Nghị định số 77/2018/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ;

.....

đ) Thành lập, củng cố các tổ chức quản lý, khai thác công trình thủy lợi đảm bảo hoạt động hiệu quả, bền vững; Huy động sự tham gia của người dân, áp dụng khoa học công nghệ, tiến bộ kỹ thuật trong đầu tư, quản lý khai thác công trình thủy lợi; Bồi dưỡng, tập huấn nâng cao năng lực quản lý khai thác công trình thủy lợi cho các tổ chức, cá nhân tham gia quản lý, vận hành công trình thủy lợi;

g) Xây dựng một số mô hình về tưới thông minh, tưới tiết kiệm nước làm cơ sở nhân rộng và đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp;

2.2. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, thôn, ấp.

a) Nội dung hỗ trợ: Thực hiện theo quy định tại khoản 7 Điều 1 Thông tư số 07/2024/TT-BNNPTNT ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn hướng dẫn một số nội dung thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Mức hỗ trợ: 70% kinh phí thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại.

Lý do, cơ sở quy định:

- Điều 83, Thông tư 55/2023/TT-BTC quy định: Hỗ trợ phát triển các mô hình quy mô hộ gia đình, cấp thôn

“1. Chi hỗ trợ phát triển các mô hình xử lý nước thải sinh hoạt quy mô hộ gia đình, cấp thôn theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

2. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương, nội dung chi xây dựng, quản lý mô hình thực hiện theo quy định tại khoản 12, khoản 13 Điều 4 Thông tư này”

- khoản 12, khoản 13 Điều 4, thông tư 55/2023/TT-BTC quy định:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định...”

2.3. Chi hỗ trợ xây dựng và phát triển hiệu quả các vùng nguyên liệu tập trung, chuyên đổi cơ cấu sản xuất góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ: Tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; Hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ.

Mức hỗ trợ: 100% chi phí cho cá nhân, tổ chức.

b) Nội dung hỗ trợ: Chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) hoặc tương đương; hệ thống phân tích mối nguy và kiểm soát điểm tới hạn (HACCP), hệ thống quản lý ISO 22000 theo chuỗi giá trị.

Mức hỗ trợ: 80% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã còn lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

- Khoản 2, điều 84, Thông tư 55/2023/TT-BTC:

“Chi tối đa 100% chi phí tư vấn, giám sát và gắn mã vùng trồng, vùng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) cho các cá nhân tổ chức. Ưu tiên cấp mã vùng trồng cho vùng sản xuất đã được đánh giá chứng nhận vùng trồng thực hành sản xuất nông nghiệp tốt (VietGAP) và nông nghiệp hữu cơ; hỗ trợ truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

- Dòng thứ 14, bảng 1, mục II của Phụ lục kèm theo Nghị quyết số 09/2022/NQ – HĐND ngày 12/7/2022 đã quy định:

Mức hỗ trợ “Phát triển kinh tế nông thôn, phát triển sản xuất liên kết chuỗi, truy xuất nguồn gốc các sản phẩm chủ lực của xã, huyện, tỉnh, chứng nhận VietGap (hoặc chứng chỉ tương đương), gắn mã vùng trồng: 80% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã thuộc địa bàn vùng dân tộc thiểu số và miền núi; 70% tổng kinh phí cho một (01) dự án trên địa bàn các xã còn lại”

2.4. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp

a) Nội dung hỗ trợ

- Đối với trồng trọt và lâm nghiệp, gồm: Máy, thiết bị phục vụ các khâu làm đất, gieo trồng, chăm sóc, tưới tiêu, thu hoạch, sơ chế, bảo quản, chế biến sau thu hoạch.

- Đối với chăn nuôi và thủy sản, gồm: Máy, thiết bị phục vụ cho chăn nuôi theo hình thức bán công nghiệp, công nghiệp; hệ thống cung cấp thức ăn, nước uống tự động, làm mát chuồng trại, sơ chế, chế biến thức ăn, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải chăn nuôi và phân bón cho cây trồng.

b) Mức hỗ trợ: 50% tổng kinh phí cho 01 cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định:

- Điều 86, Thông tư 55/2023/TT-BTC:

“Điều 86. Chi hỗ trợ cơ giới hóa, ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp hiện đại

Nội dung cụ thể thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 50% tổng kinh phí hỗ trợ cho một (01) cơ sở, tổ chức, cá nhân theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng dự án, mô hình, kế hoạch, phương án, địa phương, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, cơ quan phê duyệt dự án, mô hình, kế hoạch, phương án tại địa phương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, mô hình, kế hoạch, phương án nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.”

2.5 Hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

a) Nội dung hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn.

- Định hướng, bố trí và tổ chức không gian lãnh thổ các khu du lịch, điểm du lịch nông thôn phù hợp với tiềm năng phát triển du lịch và đảm bảo kết nối với các tuyến du lịch trọng điểm của vùng, địa phương. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch.

- Hỗ trợ cảnh quan kiến trúc và môi trường trong không gian điểm du lịch vừa bảo tồn bản sắc truyền thống vừa đảm bảo điều kiện vệ sinh, thuận tiện, sinh thái. Mức hỗ trợ 70% tổng kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ các điểm, trung tâm trưng bày, giới thiệu và bán sản phẩm nông nghiệp, sản phẩm làng nghề truyền thống, đồ lưu niệm đạt chất lượng phục vụ khách du lịch. Mức hỗ trợ 50% chi phí xây dựng theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ dịch vụ (*điểm dừng nghỉ, điểm trưng bày sản phẩm đặc sản, nông sản địa phương, ăn uống, giải khát, vệ sinh...*) dọc theo các tuyến đường giao thông gần với điểm du lịch với khoảng cách hợp lý. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm.

- Hỗ trợ hoàn thiện (*nhà vệ sinh, điểm và bãi đỗ xe, thu gom và xử lý rác thải, nước thải*) tại các điểm du lịch, phù hợp với nhu cầu của khách du lịch, đảm bảo hài hòa với không gian, cảnh quan gắn với đặc trưng văn hóa vùng miền. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Nội dung hỗ trợ phát triển sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền

- Tập trung phát triển sản phẩm du lịch có chất lượng, đa dạng, khác biệt, gắn với bản sắc, đặc trưng vùng miền, có tính trải nghiệm và giá trị gia tăng cao, theo định hướng của thị trường và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng du khách (*theo khách quốc tế, nội địa; theo độ tuổi*); đa dạng hóa sản phẩm, chú trọng phát triển sản phẩm mới, có tính cạnh tranh cao, bắt kịp với xu hướng và thị hiếu của khách du lịch. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 sản phẩm du lịch.

- Hỗ trợ hoàn thiện các cơ sở lưu trú homestay và các công trình dịch vụ đảm bảo chất lượng dịch vụ, hạn chế tác động đến môi trường. Mức hỗ trợ 70% dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 cơ sở.

- Hỗ trợ bảo tồn, phục dựng và phát triển các làng nghề, nghề, ẩm thực, trang phục truyền thống và hoạt động nông nghiệp, loại hình biểu diễn văn hóa, thể thao; phục dựng mô hình sản xuất các sản phẩm đặc sản, truyền thống để phục vụ khách du lịch thông qua các trải nghiệm thực tế. Mức hỗ trợ theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hỗ trợ phát triển nghệ nhân người dân tộc thiểu số: Hỗ trợ nghệ nhân ưu tú 800.000 đồng/ngày, nghệ nhân nhân dân 1.000.000 đồng/ngày. Chi thù lao cho nghệ nhân, người thực hành (am hiểu về văn hóa truyền thống, có khả năng hướng dẫn, truyền dạy trong cộng đồng) tham gia hướng dẫn, tập huấn, truyền dạy: 300.000 đồng/người/buổi.

- Xây dựng và số hóa thông tin, tài liệu thuyết minh về các di tích văn hóa, lịch sử, điểm du lịch sinh thái và làng nghề truyền thống gắn với du lịch nông thôn. Mức hỗ trợ theo dự toán kinh phí được cấp có thẩm quyền phê duyệt/01 điểm du lịch, sản phẩm du lịch.

Lý do, cơ sở quy định: Điều 94. Chi thực hiện Chương trình phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới, quy định:

"1. Đối tượng, phạm vi, nội dung thực hiện theo quy định tại Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT.

2. Nội dung chi và mức chi:

a) Chi hỗ trợ phát triển điểm du lịch nông thôn và sản phẩm du lịch nông thôn mang đặc trưng vùng, miền. Nội dung cụ thể thực hiện theo Quyết định số 922/QĐ-TTg ngày 02 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Phát triển du lịch nông thôn trong xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 và Thông tư số 05/2022/TT-BNNPTNT. Tùy thuộc điều kiện thực tế về tài nguyên du lịch của từng địa phương theo quy định của Luật du lịch và các văn bản hướng dẫn, Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương (đối với các nhiệm vụ do trung ương thực hiện), Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cùng cấp (đối với các nhiệm vụ do địa phương thực hiện) quyết định nội dung, mức hỗ trợ cụ thể đảm bảo phù hợp với quy định hiện hành và trong phạm vi dự toán được cấp có thẩm quyền giao;

2.6. Hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP

Mức hỗ trợ tối đa không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định: điểm đ, khoản 2, điều 87, Thông tư 55/2023/TT-BTC:

“đ) Chi hỗ trợ điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP theo hướng dẫn của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. Mức hỗ trợ tối đa từ ngân sách trung ương không quá 50% tổng kinh phí xây dựng điểm giới thiệu và bán sản phẩm OCOP được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng nhiệm vụ, địa phương, khả năng ngân sách, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, Thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt nhiệm vụ (đối với nhiệm vụ hỗ trợ do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định”

2.7. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp.

Mức hỗ trợ: 20 triệu đồng cho 01 Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định: điểm a, khoản 1, điều 116, Thông tư 55/2023/TT-BTC:

Điều 116. Chi triển khai Phong trào “Nông dân thi đua sản xuất kinh doanh giỏi, đoàn kết giúp nhau làm giàu và giảm nghèo bền vững”; xây dựng các Chi hội nông dân nghề nghiệp, Tổ hội nông dân nghề nghiệp theo nguyên tắc “5 tự” và “5 cùng”

1. Chi tổ chức các hoạt động hỗ trợ xây dựng mô hình, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các Chi hội, Tổ hội nghề nghiệp theo hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam.

a) Mức hỗ trợ: Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện, thực tế của từng mô hình, quy định chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình (đối với mô hình do trung ương thực hiện); cơ quan phê duyệt mô hình (đối với mô hình do địa phương thực hiện) quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) mô hình nhưng không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định;

2.8. Chi hỗ trợ từ ngân sách nhà nước thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình đối với chương trình MTQG nông thôn mới (không bao gồm cả dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất).

Mức hỗ trợ: 70% kinh phí đối với huyện miền núi, 50% đối với các huyện còn lại để thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Lý do, cơ sở quy định: Khoản 12, điều 4, Thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:

“12. Chi hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương thực hiện dự án, kế hoạch, phương án, mô hình (không bao gồm các dự án, kế hoạch, phương án, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất): Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa không quá 70% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện miền núi, không quá 50% kinh phí thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình được phê duyệt đối với các huyện còn lại.

Căn cứ dự toán được cấp có thẩm quyền giao, điều kiện thực tế của từng dự án, kế hoạch, phương án, mô hình, chế độ chi tiêu tài chính hiện hành và quy định tại Thông tư này; Bộ trưởng, thủ trưởng cơ quan trung ương quyết định mức hỗ trợ thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do trung ương thực hiện; cơ quan phê duyệt dự án, kế hoạch, phương án, mô hình do địa phương thực hiện quyết định mức hỗ trợ cụ thể thực hiện một (01) dự án, kế hoạch, phương án, mô hình nhưng **không vượt định mức hỗ trợ đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định.**”

2.9. Hỗ trợ nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở từ ngân sách địa phương tại các xã nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu.

Mức hỗ trợ: Theo quy định tại điều 100, Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Lý do, cơ sở quy định: điểm a, khoản 1, điều 116, Thông tư 55/2023/TT-BTC:

- Điều 100. Chi nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở: quy định.

”1. Chi hỗ trợ mua sắm thiết bị phục vụ cho hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao tại các Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã, Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của địa phương và hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa như sau:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao cấp xã: 80 triệu đồng/thiết chế;
- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: 30 triệu đồng/thiết chế;

2. Chi hỗ trợ xây dựng tủ sách cho Trung tâm Văn hóa, Thể thao cấp xã, Nhà Văn hóa - Khu thể thao thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Mức hỗ trợ từ nguồn ngân sách trung ương tối đa như sau:

- Tủ sách xã: 30 triệu đồng/01 tủ sách;
- Tủ sách thôn: 20 triệu đồng/tủ sách;

3. Chi hỗ trợ kinh phí hoạt động đối với thiết chế văn hóa, thể thao xã, thôn và hỗ trợ kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã, thôn theo hướng dẫn của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch. Mức hỗ trợ theo quyết định được cấp có thẩm quyền phê duyệt và tối đa:

- Trung tâm Văn hóa - Thể thao xã: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp xã là 50 triệu đồng/01 năm;
- Nhà văn hóa - Khu thể thao thôn: Kinh phí tổ chức giải thể thao cấp thôn là 30 triệu đồng/01 năm.”

- Trong khi đó, khoản 4, điều 3, Quyết định 07/2022/QĐ-TTg ngày 25/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ về quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện

chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 – 2025 có quy định:

“4. Hỗ trợ các xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục hoàn thiện các tiêu chí nông thôn mới đã đạt chuẩn nhưng mức đạt chuẩn của một số chỉ tiêu còn chưa cao để nâng cao chất lượng các tiêu chí và bảo đảm bền vững. Các tỉnh chủ động cân đối nguồn vốn ngân sách địa phương và huy động các nguồn lực hợp pháp để thực hiện mục tiêu đạt chuẩn nông thôn mới nâng cao và nông thôn mới kiểu mẫu.”

- Mặt khác: khoản 2, điều 127, thông tư 55/2023/TT-BTC có quy định:

"2. Căn cứ khả năng cân đối của ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn đối ứng của ngân sách địa phương để hỗ trợ thêm cùng với nguồn ngân sách trung ương hỗ trợ theo quy định tại Thông tư này đảm bảo thực hiện có hiệu quả các chương trình.

Trường hợp trong quá trình triển khai thực hiện các chương trình có phát sinh các khoản chi đặc thù chưa được quy định trong các văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và Thông tư này; Hội đồng nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phù hợp với khả năng ngân sách của địa phương theo quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước.»

Do vậy, cần có quy định này để các xã phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao, NTM kiểu mẫu sử dụng ngân sách địa phương trong việc hoàn thành tiêu chí văn hóa.

3. Nguồn vốn thực hiện

- Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

- Nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác lồng ghép thực hiện.

- Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh, huyện, xã lồng ghép thực hiện.

- Nguồn vốn huy động, đóng góp và đối ứng của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

IV. BỐ CỤC VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT

1. Bố cục

Dự thảo Nghị quyết gồm 4 Điều:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

Điều 4. Tổ chức thực hiện

2. Nội dung chính của dự thảo Nghị quyết

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

a) Nghị quyết này quy định cụ thể một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

b) Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy

định quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí sự nghiệp từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia giai đoạn 2021-2025, Thông tư số 75/2024/TT-BTC ngày 31/10/2024 của Bộ trưởng Bộ tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 55/2023/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, các văn bản liên quan của các Bộ, ngành ban hành và theo các nội dung quy định của Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân quản lý, sử dụng, quyết toán và thụ hưởng nguồn kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Điều 2. Nội dung và mức hỗ trợ

Chi tiết theo phụ lục đính kèm

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn vốn sự nghiệp ngân sách trung ương bổ sung thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.
2. Nguồn vốn từ các chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình mục tiêu khác lồng ghép thực hiện.
3. Nguồn vốn sự nghiệp từ ngân sách tỉnh, huyện, xã lồng ghép thực hiện.
4. Nguồn vốn huy động, đóng góp và đối ứng của các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 4. Tổ chức thực hiện: Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện; giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện.

V. KIẾN NGHỊ

Trên đây là Tờ trình đề nghị ban hành Nghị quyết Nghị quyết Quy định một số nội dung, mức hỗ trợ từ nguồn vốn sự nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Bình Phước. UBND tỉnh kính đề nghị HĐND tỉnh xem xét, chấp thuận.

(Kèm theo: Dự thảo Nghị quyết và các văn bản có liên quan)./.

Nơi nhận:

- TTTU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT;
- Thành viên BCD các CTMTQG tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- LĐVP, P. KT, TH;
- Lưu: VT

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

